

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – HUẾ
THÀNH PHỐ HUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 163/2025/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 17 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 32/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989; căn cước công dân số 046189007374 được Cục C về TTXH – Bộ C1 cấp ngày 10/8/2021; địa chỉ: Thôn P, xã P, thành phố H.

- *Bị đơn*: Anh Lê Văn T, sinh năm 1991; căn cước công dân số 046091008367 được Cục C về TTXH – Bộ C1 cấp ngày 20/01/2022; địa chỉ: Thôn P, xã P, thành phố H; hiện đang chấp hành án tại Trại giam N, Cục C2 - Bộ C1.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 9 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 9 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Văn T xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Lê Nguyễn Đức H, sinh ngày 02/10/2012. Hiện nay cháu H đang ở với chị L. Khi ly hôn hai bên đương sự thoả thuận giao cháu Lê Nguyễn Đức H cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị L tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng); Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0000252 ngày 15 tháng 7 năm 2025 Thi hành án dân sự thành phố H. Nay trả lại cho chị Nguyễn Thị L 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

=